

Thực trạng giáo dục tỉnh Vĩnh Phúc, một số giải pháp phát triển trong giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo

Nguyễn Văn Huyền

Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc
539 Mê Linh, phường Khai Quang,
thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Email: huyenvinhphuc@gmail.com

TÓM TẮT: Bài viết trình bày về thực trạng giáo dục tỉnh Vĩnh Phúc, bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên với các bình diện tiếp cận, chất lượng và điều kiện đảm bảo giáo dục. Theo đó, trong thời gian qua, giáo dục Vĩnh Phúc đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Tuy nhiên, ngành Giáo dục vẫn đang phải đối mặt với một số khó khăn như: thiếu đội ngũ, cơ sở vật chất; một tỉ lệ không nhỏ GV chưa đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục 2019. Ngành Giáo dục đã xác định 8 nhóm nhiệm vụ giải pháp nhằm khắc phục những bất cập hiện tại, đồng thời đưa giáo dục Vĩnh Phúc phát triển hơn nữa trong giai đoạn tới.

TỪ KHÓA: Vĩnh Phúc, giáo dục, giai đoạn 2021 - 2025.

→ Nhận bài 14/7/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 25/8/2021 → Duyệt đăng 25/10/2021.

1. Đặt vấn đề

Vĩnh Phúc là tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, có diện tích tự nhiên 1.235,87 km² và số dân 1,151,154 người [1]. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Vĩnh Phúc ở mức cao so với cả nước. Quy mô kinh tế tiếp tục mở rộng với xu hướng tăng trưởng ổn định, GRDP của tỉnh bình quân 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 ước tăng 6,86%/năm. Theo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021-2025) của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, mục tiêu đề ra về tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm giai đoạn 2021 - 2025 phấn đấu đạt khoảng 8,5%-9%/năm [2]. Giáo dục (GD) Vĩnh Phúc trong những năm qua đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ và là một trong những tỉnh có chất lượng GD cao so với mặt bằng chung cả nước. Quy mô và chất lượng liên tục phát triển: 100% trường mầm non (MN) và phổ thông công lập của tỉnh đạt chuẩn quốc gia; là tỉnh thứ 5 toàn quốc được công nhận đạt chuẩn phổ cập mẫu giáo 5 tuổi vào năm 2013 và đạt phổ cập Tiểu học mức độ 2 vào năm 2014 [3]; Thuộc nhóm 6 tỉnh có thành tích cao nhất trong các kì thi tuyển sinh đại học, cao đẳng; Nhiều học sinh (HS) đoạt giải trong các kì thi HS giỏi quốc gia và Olympic quốc tế... Tuy nhiên, ngành GD Vĩnh Phúc vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: thiếu đội ngũ, thiếu cơ sở vật chất; chất lượng học tin học, ngoại ngữ chưa cao... Bước sang thập niên mới, đánh giá lại những thành tựu đã đạt được và những khó khăn còn tồn tại, Vĩnh Phúc đặt ra một số nhiệm vụ, giải pháp nhằm khắc phục các hạn chế, đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu học tập của người dân và giữ vững vị thế của mình trong bản đồ GD quốc gia. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày về

thực trạng giáo dục tỉnh Vĩnh Phúc, trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp phát triển trong giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo.

2. Nội dung nghiên cứu

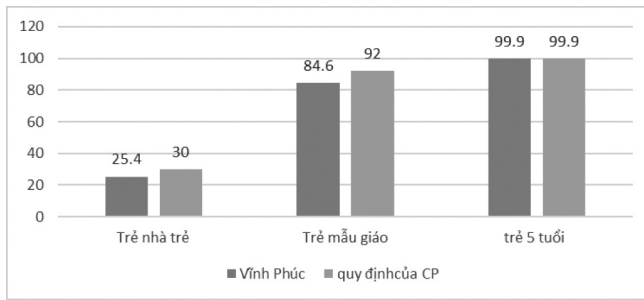
2.1. Thực trạng giáo dục tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015 - 2020

2.1.1. Về tiếp cận giáo dục

a. GD MN

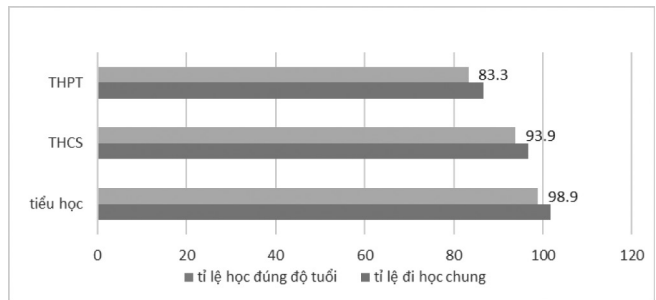
Năm học 2020 - 2021, tổng số trẻ huy động ra lớp là 83.833, trong đó số trẻ nhà trẻ ra lớp là 14.244 cháu (15,4%) và mẫu giáo là 69.589 trẻ (84,6%). Trẻ 5 tuổi được huy động vào mẫu giáo để chuẩn bị vào lớp 1 vẫn duy trì ổn định hàng năm đạt chỉ tiêu đề ra là 99,9%. Tỉ lệ huy động trẻ mẫu giáo ra lớp tương đối cao so với trung bình cả nước (toàn quốc 92,4%). Tuy nhiên, tỉ lệ huy động trẻ mẫu giáo ra lớp chưa đạt được mục tiêu đề ra theo Quyết định số 1677/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án Phát triển GD MN Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 (Mục tiêu tỉ lệ huy động nhà trẻ 30% và mẫu giáo 92% giai đoạn 2018-2020) (xem Hình 1).

Bên cạnh đó, tỉ lệ huy động này còn chưa đồng đều giữa các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh, nhất là trẻ nhà trẻ (xem Hình 2). Thành phố Vĩnh Yên có tỉ lệ trẻ nhà trẻ cao nhất toàn tỉnh với 48,8%, trẻ mẫu giáo là 100%. Tiếp theo là thành phố Phúc Yên có tỉ lệ trẻ nhà trẻ là 25,9%, trẻ mẫu giáo là 99,3%. Huyện có tỉ lệ trẻ ra nhà trẻ thấp nhất toàn tỉnh là Lập Thạch với 18%, tuy nhiên, tỉ lệ trẻ mẫu giáo ra lớp trong huyện đạt 100%.



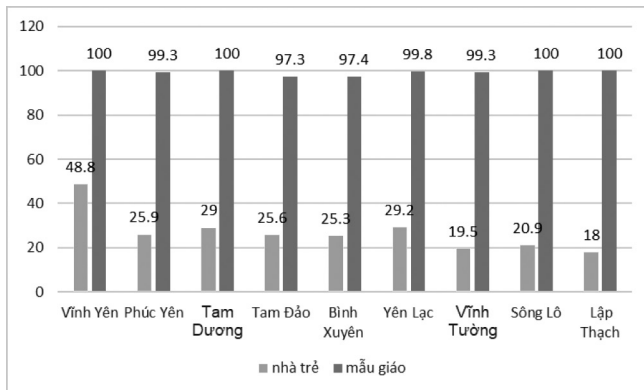
(Nguồn: Sở GD&ĐT tỉnh Vinh Phúc)

Hình 1: Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp 2020-2021 so với quy định của Chính phủ



(Nguồn: Sở GD&ĐT tỉnh Vinh Phúc)

Hình 3: Tỷ lệ nhập học chung và đúng độ tuổi, năm học 2020 - 2021



(Nguồn: Sở GD&ĐT tỉnh Vinh Phúc)

Hình 2: Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp giữa các huyện/thành phố

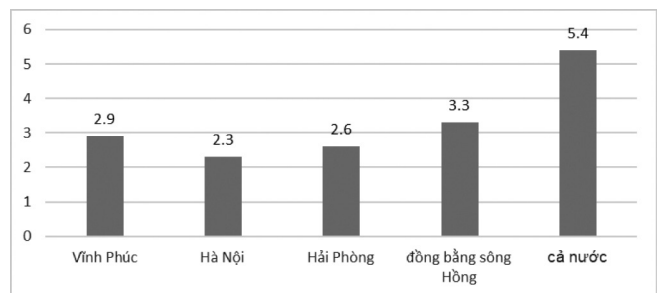
Tỷ lệ trẻ em dân tộc thiểu số nhà trẻ ra lớp đạt 36,2%, tỷ lệ trẻ mẫu giáo dân tộc thiểu số (DTTS) ra lớp đạt 98,4%. So với chỉ tiêu tại Kế hoạch số 4609/KH-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh về việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em MN, HS tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025, tỷ lệ trẻ nhà trẻ vượt 1,2%, trẻ mẫu giáo vượt 0,4%. Đầu năm học 2020 - 2021, số trẻ khuyết tật MN đi học hòa nhập là 92 em, chiếm 0,1%/ tổng số trẻ MN và chiếm 86,8% tổng số trẻ MN khuyết tật.

b. GD phổ thông

Hết năm học 2020 - 2021, toàn tỉnh có 323 cơ sở GD phổ thông, so với năm học 2015 - 2016, giảm 38 trường (Tiểu học giảm 29 trường, Trung học phổ thông (THPT) giảm 9 trường). Trong toàn tỉnh, tỷ lệ HS phổ thông từ 6 đến 18 tuổi đi học đạt 97,1%, đứng thứ 3/63 tỉnh, thành trong cả nước.

Tỷ lệ huy động trẻ đi học được thể hiện ở các chỉ số như sau: tỷ lệ đi học chung Tiểu học 101,8%; Trung học cơ sở (THCS) là 96,8%; THPT là 86,6%. Tỷ lệ huy động đi học đúng tuổi ở cấp Tiểu học đạt 98,9%; THCS đạt 93,9%; THPT 83,3%. Tỷ lệ này cao hơn trung bình của cả nước và vùng Đồng bằng Sông Hồng (xem Hình 3).

Năm học 2020 - 2021, tỷ lệ huy động trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 99,7% (chỉ tiêu quy hoạch là huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1). Tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường của tỉnh Vinh Phúc là 2,9% (năm 2019), thấp hơn của cả nước là 5,4%; thấp hơn của vùng Đồng bằng Sông Hồng 0,4%; thấp hơn của Nam Định 2,4%. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn còn cao hơn so với Hà Nội 0,6%, Hải Phòng 0,3% (xem Hình 4).



(Nguồn: Sở GD&ĐT tỉnh Vinh Phúc)

Hình 4: Tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường, năm 2019

Năm học 2020 - 2021, tỷ lệ HS DTTS cấp Tiểu học là 5,6%, tăng 1,15% so với năm học 2015 - 2016; cấp THCS, THPT, tỷ lệ không chênh lệch nhiều theo các năm học. HS DTTS cấp THCS chiếm 5,23%; THPT chiếm 4,5%. Tỷ lệ HS người dân tộc Kinh và HS người DTTS tiếp cận GD ở mức gần ngang bằng nhau.

c. GD thường xuyên (GDTX)

Hệ thống mạng lưới trung tâm GDTX trong những năm qua ổn định về số lượng, bao gồm 01 trung tâm GDTX cấp tỉnh, 7 trung tâm GDNN - GDTX cấp huyện, 136 trung tâm học tập cộng đồng, 80 trung tâm tin học, ngoại ngữ, 15 cơ sở hoạt động GD kỹ năng sống và hoạt động GD ngoài giờ chính khóa, 17 tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học được cấp phép hoạt động. Ngoài ra, còn có 6 trường cao đẳng dạy học chương trình GDTX cấp THPT. Số lượng học viên theo học chương trình GDTX cấp THPT ở các trung tâm GDTX và cao đẳng nghề tăng đều trong các năm gần đây. Năm học 2020 - 2021, có 9865 học viên học ở trung tâm GDTX

tin, trung tâm GD nghề nghiệp - GDTX và các trường cao đẳng nghề. 100% huyện, thành phố đạt xóa mù chữ ở mức 2. Toàn tỉnh có 136 trung tâm học tập cộng đồng, số lượt người học các lớp chuyên đề và chương trình GD đáp ứng yêu cầu người học. Năm học 2020 - 2021, có 186.107 học viên tham gia học tập (số liệu theo báo cáo trung tâm học tập cộng đồng năm học 2020-2021).

2.1.2. Về chất lượng giáo dục

a. GD MN

Các cơ sở GD MN thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, GD trẻ và chú trọng nâng cao chất lượng bán trú, phòng tránh dịch bệnh. 100% trẻ em trong các cơ sở GD MN được đảm bảo an toàn tuyệt đối cả về thể chất và tinh thần. 100% trẻ được học 2 buổi/ngày và được ăn bán trú tại trường. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ được nâng lên rõ rệt, tỉ lệ trẻ ăn bán trú đạt 99,2% tăng 1% so với năm học trước. Tỉ lệ trẻ được kiểm tra sức khỏe định kì đạt 100%; tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân là 2,2% tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng thấp còi 2,8% (đều giảm 0,4% so với năm học trước); tỉ lệ trẻ thừa cân, trẻ béo phì được khống chế, giảm 0,1% so với năm học trước.

Tổ chức thí điểm cho trẻ làm quen với tiếng Anh tăng nhanh: Năm học 2015 - 2016, chỉ có 5 trường MN thực hiện cho trẻ làm quen với tiếng Anh. Đến hết học kì 1 năm học 2020 - 2021, có 125 trường MN công lập cho trẻ làm quen với tiếng Anh (đạt 76,6%) với 66.068 trẻ, trong đó tập trung cao nhất ở khu vực thành phố (thành phố Vĩnh Yên 63.04%).

Công tác “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ MN vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng 2025” được đánh giá cao. 100% cơ sở GD MN thuộc vùng dân tộc thiểu số đều chú trọng tới các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu, học liệu để tổ chức hoạt động tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số; 100% trẻ dân tộc thiểu số ra lớp học 2 buổi/ngày được chuẩn bị tiếng Việt. Tuy nhiên, chất lượng GD MN còn hạn chế, nhất là ở lớp MN độc lập tư thục và khu vực miền núi. Một số cơ sở GD MN đã áp dụng linh hoạt phương pháp GD Montessori, STEM, STEAM vào quá trình GD trẻ, tuy nhiên tập trung chủ yếu tại các trường MN tư thục có mức học phí cao, có cơ sở vật chất, đội ngũ GV đảm bảo.

b. GD phổ thông

- **GD đại trà:** Trong 5 năm gần đây, chất lượng GD đại trà của tỉnh Vĩnh Phúc được xếp ở vị trí cao so với cả nước. Chất lượng GD *Tiểu học* cuối năm học 2020 - 2021 đã có nhiều chuyển biến tốt. HS được đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành các môn học chiếm tỉ lệ cao. Môn Tiếng Việt: hoàn thành tốt chiếm 52,9%; hoàn thành chiếm 46,5%; chưa hoàn thành chiếm 0,7%. Môn Toán: hoàn thành tốt chiếm 61%; hoàn thành chiếm

38,4%; chưa hoàn thành chiếm 0,6%. HS lớp 5 hoàn thành Chương trình Tiểu học đạt: 98,5%.

So với năm học 2019 - 2020, năm học 2020 - 2021, số lượng HS THCS có học lực Khá, Giỏi đều tăng, số lượng HS có học lực Yếu, Kém đều giảm. Về học lực Giỏi: 13409 HS, đạt 16,95% (tăng 2,66%); Khá: 33928 HS đạt 42,94% (tăng 2,2%); Trung bình: 28846 HS, chiếm 36,49% (giảm 4,13%); Yếu: 2787 HS, chiếm 3,54% (giảm 0,7%); Kém: 63 HS, chiếm 0,08% (giảm 0,04%).

Chất lượng đại trà cấp THPT năm học 2020 - 2021 tăng so với năm học trước. Kết quả xếp loại hạnh kiểm Tốt: 28078 HS (87,29%); Khá: 3570 HS (10,96%); Trung bình: 460 HS (1,43%); Yếu: 101 HS (0,31%). Kết quả xếp loại học lực Giỏi: 6748 HS (20,91%); Khá: 19561 HS (60,75%); Trung bình: 5782 HS (18%); Yếu: 108 HS (0,34%); Kém: 01 HS (0,003%). Tỉ lệ HS xếp loại học lực ở mức cao hơn so với các tỉnh trong khu vực [4]. Tỉ lệ thanh thiếu niên độ tuổi từ 15-18 có bằng tốt nghiệp THPT đạt 97,4%; Điểm trung bình kì thi THPT quốc gia luôn trong nhóm tỉnh cao nhất cả nước (Năm 2017 xếp thứ 6, năm 2018 xếp thứ 4, năm 2019 xếp thứ 6, năm 2020 xếp thứ 5, năm 2021 xếp thứ 5). Tỉ lệ HS tốt nghiệp THPT thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng ở trong top các trường có tỉ lệ đỗ cao (thường xếp thứ 5,6 trên tổng số các trường thuộc các tỉnh/thành toàn quốc).

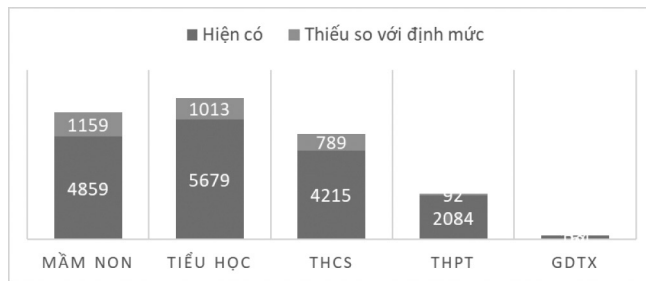
Chất lượng GD đạo đức, lối sống, kĩ năng sống cho HS được quan tâm với nhiều hình thức phong phú, sinh động. Việc đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức GD đạo đức, lối sống được triển khai ở tất cả các cấp học đã tạo hiệu quả rõ rệt. Kĩ cương nề nếp được tăng cường, xuất hiện nhiều gương HS khắc phục khó khăn vươn lên học giỏi, giúp đỡ bạn có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt đến trường.

- **GD mũi nhọn:** GD mũi nhọn tiếp tục được khẳng định là thế mạnh của Vĩnh Phúc. Chất lượng GD mũi nhọn của tỉnh trong những năm qua luôn được quan tâm và đã đạt được những thành tích rất đáng tự hào trong các kì thi HS giỏi quốc gia, quốc tế và đứng trong tốp đầu của cả nước về thành tích thi HS giỏi quốc gia. Kể từ khi tái thành lập đến nay, tỉnh Vĩnh Phúc đã đạt được 1.401 giải HS giỏi cấp quốc gia, trong đó có 71 giải nhất, 27 giải khu vực và quốc tế, có 03 huy chương vàng, 08 huy chương bạc, 15 huy chương đồng và 03 bằng khen, 43 giải quốc gia thi KHKT. Đặc biệt, năm học 2020 - 2021, Vĩnh Phúc có 82/92 thí sinh dự thi đoạt giải HS giỏi quốc gia các môn văn hóa, đạt tỉ lệ 89%, trong đó có 11 giải nhất, 27 giải nhì, 23 giải ba và 21 giải khuyến khích, có 02 HS đạt huy chương tại kì thi Olympic Quốc tế (01 huy chương bạc môn Sinh học, 01 huy chương đồng môn Toán). Có 2 dự án đạt giải Nhì kì thi khoa học kĩ thuật dành cho HS trung học.

2.1.3. Về điều kiện đảm bảo

a. Đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV) và nhân viên nhà trường

Công tác rà soát, sắp xếp lại đội ngũ CBQL, GV, nhân viên luôn được thực hiện nghiêm túc hàng năm. Trong 5 năm qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở GD&ĐT phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện thành phố tổ chức tuyển dụng GV. Năm 2017, tuyển 238 GV tiểu học; Năm 2018 tuyển 350 GV tiểu học; Năm 2020 tuyển 657 GV tiểu học và 121 GV THCS. Tuy vậy, tỉnh Vĩnh Phúc vẫn đang đối mặt với tình trạng thiếu GV, đặc biệt ở cấp MN, Tiểu học và THCS (xem Hình 5).



(Nguồn: Sở GD*ĐT tỉnh Vĩnh Phúc)

Hình 5: Tình trạng thiếu CBQL, GV các cấp

Về chất lượng, Đội ngũ CBQL, GV, nhân viên các nhà trường học trong giai đoạn 2015 - 2020 cơ bản được đảm bảo chất lượng và ngày càng đồng bộ về cơ cấu đáp ứng yêu cầu phát triển GD.

Ở cấp MN, trình độ đào tạo đội ngũ được nâng lên, có 40,6% CBQL, 0,1% GV có trình độ thạc sĩ; có 4,6% CBQL, 84,4% GV có trình độ đại học; có 4,82% hiệu trưởng, 0,9% CBQL, 8,41% GV có trình độ cao đẳng; có 7,1% GV trình độ trung cấp. Đến nay, các cơ sở GD MN công lập có 93,5% CBQL, GV đạt chuẩn trở lên trong đó 82,7% trên chuẩn; còn 6,5% chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật GD 2019, các cơ sở GD MN ngoài công lập: 44,2% CBQL và 55,17% GV chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật GD 2019.

Ở bậc phổ thông, 70,4% GV Tiểu học đạt chuẩn trình độ đào tạo theo luật GD 2019 (cao hơn so với trung bình chung cả nước- 64,26%); 89,49% GV THCS đạt chuẩn trình độ đào tạo theo luật GD 2019 (cao hơn so với trung bình chung cả nước - 78,45%) [5]; 100% GV THPT đạt chuẩn trình độ đào tạo, trong đó có trình độ trên chuẩn 35%.

Đội ngũ CBQL trong các Trung tâm GDTX, trung tâm GDNN - GDTX ở Vĩnh Phúc gần như không có sự thay đổi đáng kể. Tổng số CBQL, GV, nhân viên trung tâm GDTX tỉnh, trung tâm GD nghề nghiệp - GDTX cấp huyện có 169 người (20 CBQL, 110 GV, 39 nhân viên), 100% GV đều đạt trình độ đào tạo chuẩn và trên chuẩn (trong đó, trên chuẩn 47,7%).

b. Về cơ sở vật chất

Cuối năm 2019, toàn tỉnh có 100% trường MN, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia; tập trung nguồn lực lớn, đầu tư cho ngành TBDH, phòng học, tỉ lệ phòng học kiên cố/tổng số phòng học đạt mức cao: MN đạt 92,6%, Tiểu học đạt 96,8%, THCS đạt 98,2%, THPT&GDTX đạt 100%; tỉ lệ phòng học/lớp: MN 0,94; tiểu học 0,99; THCS và THPT đạt 1,0.

Trong giai đoạn 2015 - 2020, tỉnh đã đưa vào sử dụng 2.035 phòng học và phòng học bộ môn xây mới (MN: 1.012; Tiểu học: 795; THCS: 228); hàng trăm phòng học bộ môn, phòng tin học, ngoại ngữ được trang bị hiện đại, phục vụ cho việc dạy học; công tác tu bổ, cải tạo phòng học, khuôn viên nhà trường được thực hiện thường xuyên. Xây mới 4 trường THCS, 4 trường THPT, trong đó Trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc được đầu tư lớn, đồng bộ, hiện đại, là điểm nhấn của tỉnh và cả nước về hệ thống trường THPT Chuyên.

Mặc dù vậy, tổng thể cơ sở vật chất hiện nay chưa đáp ứng đủ nhu cầu học tập của con em nhân dân, đặc biệt nếu xét theo tiêu chuẩn mới về trường chuẩn thi diện tích, thiết bị dạy và học còn thiếu đáng kể. Cụ thể, cấp học MN hiện có 2.580 phòng học, còn thiếu 161 phòng. Cấp Tiểu học hiện có 3.646 phòng, trong đó có 83 phòng học bán kiên cố, thiếu 36 phòng. Cấp THCS có 2.032 phòng học (bao gồm 65 phòng học bán kiên cố), năm 2025 sẽ thiếu 378 phòng. Cấp THPT có 920 phòng học; nhà rèn luyện thể chất (nhà đa năng) hiện có 33 nhà, thiếu 01; nhà thư viện, truyền thống hiện có 26 nhà, thiếu 4 nhà; hệ thống sân vận động các trường đều xuống cấp, chưa có thiết bị thể thao ngoài trời theo quy định; 04 trường có hệ thống phòng cháy chữa cháy, thiếu ở 26 trường.

2.1.4. Đánh giá chung về thực trạng giáo dục Vĩnh Phúc giai đoạn 2015 - 2020

Trong 5 năm qua, GD tỉnh Vĩnh Phúc đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Chất lượng GD được nâng cao và đảm bảo công bằng xã hội trong tiếp cận GD. Các điều kiện đảm bảo cho GD được quan tâm: việc rà soát đội ngũ được thực hiện nghiêm túc và số lượng đội ngũ tăng lên đáng kể; cơ sở vật chất được đầu tư, bổ sung một số lượng lớn. Tuy nhiên, ngành GD của tỉnh vẫn đang đối mặt với một số khó khăn như: thiếu GV, CBQL và nhân viên nhà trường ở mức độ khá nghiêm trọng, đặc biệt ở cấp MN, cấp Tiểu học và THCS. Bên cạnh đó, tình trạng thừa, thiếu GV cục bộ cũng diễn ra ở các địa phương. Trình độ GV ở khu vực công lập về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, ở khu vực ngoài công lập, đặc biệt là ở bậc MN, một tỉ lệ không nhỏ CBQL, GV còn chưa đạt chuẩn. Cơ sở vật chất, mặc dù đã được tăng cường song vẫn chưa đáp ứng đủ theo quy định. Để khắc phục những tồn tại hiện nay và đạt được những mục tiêu cao hơn trong giai

đoạn tới, GD Vĩnh Phúc đã xác định một số nhiệm vụ, giải pháp, trong đó có những giải pháp được xem là đột phá.

2.2. Một số giải pháp cơ bản phát triển giáo dục tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo

2.2.1. Tăng cường lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Tiếp tục quán triệt để nhận thức đầy đủ, sâu sắc các quan điểm đổi mới căn bản, toàn diện GD và đào tạo trong cán bộ, đảng viên, nhà giáo và nhân dân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giám sát, phản biện, tạo sự đồng thuận và huy động lực lượng xã hội tham gia công cuộc đổi mới, phát triển GD và đào tạo.

- Thực hiện tốt công tác thông tin, dự báo các số liệu về phát triển GD, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân cấp, ủy quyền, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Nâng cao năng lực quản trị nhà trường cho CBQL các cấp: chú trọng bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ CBQL cơ sở GD không chỉ các cơ sở GD công lập mà cả ngoài công lập. Phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong các cơ sở GD (hiệu trưởng); hướng hiệu trưởng thành người CBQL năng động, sáng tạo nhằm cải thiện không ngừng mối quan hệ với HS và phụ huynh, cải thiện điều kiện cơ sở vật chất, chất lượng GV.

2.2.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển giáo dục

Chính sách hỗ trợ học phí cho trẻ MN và HS phổ thông: Thực hiện lộ trình miễn học phí đối với trẻ MN 5 tuổi, HS phổ thông trong các trường công lập và hỗ trợ học phí cơ sở ngoài công lập đối với trẻ em, HS trên địa bàn tỉnh theo quy định của Chính phủ. Trong đó, ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% học phí theo mức học phí được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Đối với đối tượng thuộc diện giảm học phí theo quy định, ngân sách tỉnh hỗ trợ phần còn lại.

Chính sách dành cho CBQL, GV, nhân viên tại các cơ sở GD: Tăng thu nhập dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả công việc: đối với CBQL, GV, nhân viên làm việc tại các cơ sở GD công lập trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ tiền tăng thêm căn cứ vào kết quả đánh giá hiệu quả công việc và thực hiện chi trả sau khi có kết quả đánh giá hiệu quả công việc hàng quý, hàng năm của từng cán bộ, công chức, viên chức. Xây dựng chính sách đặc thù phù hợp với điều kiện địa phương đối với CBQL, GV, nhân viên các cấp học công tác tại những vùng khó khăn; chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội cho GV, nhân viên hợp đồng.

Chính sách phát triển mô hình GD ngoài công lập chất lượng cao đáp ứng với nhu cầu học tập và điều kiện của người dân. Chính sách áp dụng đối với các

nhà đầu tư thực hiện dự án mới. Đối tượng hỗ trợ là các tổ chức, cá nhân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, đầu tư vào lĩnh vực GD.

2.2.3. Mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục, đảm bảo công bằng cho mọi đối tượng người học, thúc đẩy học tập suốt đời

Rà soát hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bảo đảm quỹ đất để xây dựng mới, mở rộng các cơ sở GD phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường, lớp học, hạn chế các điểm trường lẻ; sắp xếp, sáp nhập phù hợp đối với các trường có quy mô nhỏ, bảo đảm hiệu quả đầu tư lâu dài. Ưu tiên quỹ đất để xây dựng trường, lớp học ở các khu đô thị mới, tái định cư, khu đông dân cư, các khu công nghiệp, các cơ sở GD có tổ chức nội trú, bán trú cho HS. Ưu tiên dành quỹ đất xây dựng các trường ngoài công lập trong quy hoạch sử dụng đất dành cho GD của tỉnh.

Mở rộng quy mô các trường MN công lập đang hoạt động, tăng số lớp cho trẻ ở độ tuổi nhà trẻ, đặc biệt ở địa bàn đông dân cư và các khu công nghiệp. Có cơ chế khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển cơ sở GD MN ngoài công lập có chất lượng, đặc biệt nhà trẻ, nhóm trẻ tư thục, đảm bảo huy động trẻ MN đến trường theo chỉ tiêu đặt ra.

2.2.4. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

Tăng cường GD lí tưởng cách mạng, đạo đức, nghề nghiệp, kĩ năng sống cho HS thông qua các hoạt động GD và trải nghiệm. Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa học đường, GD đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo và CBQL GD. Thực hiện có hiệu quả công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong hoạt động GD đạo đức, lối sống cho HS. Chỉ đạo, xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm đạo đức và lối sống. Triển khai có chất lượng và hiệu quả Chương trình GD phổ thông 2018. Đổi mới phương pháp và đa dạng hóa hình thức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho HS. Đẩy mạnh thực hiện GD hướng nghiệp và phân luồng HS. Đảm bảo duy trì sĩ số HS/lớp đối với các cấp học phổ thông thấp hơn mức quy định của Bộ GD&ĐT.

2.2.5. Phát triển trường chuyên, hệ thống trường trọng điểm, trường ngoài công lập chất lượng cao làm nòng cốt để nâng cao chất lượng mũi nhọn và hợp tác quốc tế

- *Phát triển trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc tiên tiến theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế*, trong đó chú trọng các vấn đề: Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng tuyển sinh; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL và GV; Trang bị và khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất nhà trường; Nâng cao chất lượng GD của trường tiệm cận với các trường tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

- *Phát triển hệ thống trường trọng điểm công lập.* Duy trì và phát triển hệ thống các trường trọng điểm cấp THCS của các huyện, thị xã, thành phố nhằm tạo nguồn HS giỏi, HS được phát triển toàn diện cho các trường THPT trên địa bàn và trường THPT chuyên; Tuyển sinh theo năng lực HS, có cơ chế bổ sung HS trong quá trình học.

Phát triển mô hình trường chất lượng cao ngoài công lập. Phát triển loại hình trường ngoài công lập theo hướng cung ứng dịch vụ chất lượng cao đáp ứng nhu cầu người học và điều kiện của người dân, khuyến khích thành lập trường ngoài công lập có liên kết đào tạo với nước ngoài.

2.2.6. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên nhà trường, đảm bảo đủ về số lượng, đạt yêu cầu về chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

- *Từng bước đảm bảo số lượng đội ngũ nhà giáo, CBQL GD, nhân viên nhà trường, khắc phục tình trạng thừa/thiếu CBQL, GV, nhân viên.* Xây dựng lộ trình, từng bước tuyển bổ sung, khắc phục tình trạng thiếu CBQL, GV và nhân viên. Thực hiện kí hợp đồng với các GV trong khi chưa thể tuyển dụng đủ GV theo biên chế.

- *Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ CBQL các cấp, GV và nhân viên nhà trường.* Thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn đào tạo của GV MN, tiểu học, THCS. Nâng cao năng lực, đặc biệt là năng lực quản trị nhà trường cho CBQL các cấp.

- *Tạo động lực nhằm thu hút và duy trì đội ngũ CBQL, GV, nhân viên.* Xây dựng chính sách hỗ trợ tài chính cho CBQL, GV và nhân viên tại các cơ sở GD MN công lập nhằm thu hút và giữ chân đội ngũ tại các cơ sở GD công lập. Xây dựng chính sách đặc thù đối với CBQL, GV, nhân viên các cấp học công tác tại những địa phương khó khăn, giúp họ yên tâm với nghề. Xây dựng chính sách ưu tiên đối với CBQL, GV giỏi giảng dạy tại các trường THCS trọng điểm nơi tạo nguồn HS giỏi cho trường THPT Chuyên.

2.2.7. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học đầy đủ, đồng bộ hóa phục vụ yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông, đồng thời đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa, tiếp cận chuẩn khu vực và thế giới

Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, TBDH theo lộ trình thực hiện Chương trình GD phổ thông 2018.

Sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho trường học. Ưu tiên lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực thông qua Chương trình Mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học, Chương trình Mục tiêu quốc gia Nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các dự án thuộc ngân sách địa phương

ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang TBDH.

Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất. Rà soát, điều chỉnh, bố trí, sắp xếp lại cơ sở vật chất hiện có một cách hợp lý, bảo đảm đủ phòng học nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất trong các cơ sở GD.

2.2.8. Phát triển năng lực ngoại ngữ, tin học và đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Vĩnh Phúc

Tạo bước đột phá về chất lượng dạy và học ngoại ngữ nhất là Tiếng Anh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “*Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống GD và Đào tạo tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025*”, trong đó tập trung đẩy mạnh nội dung chương trình tiếng Anh theo hình thức xã hội hóa. Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học ngoại ngữ theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, xã hội hóa trong dạy và học ngoại ngữ. Kí kết hợp tác với các đơn vị hay tổ chức đào tạo, khảo thí ngoại ngữ quốc tế có uy tín. Khuyến khích xây dựng cơ chế để các cơ sở GD trên địa bàn tỉnh, kí kết hợp tác với các đơn vị, tổ chức quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ chất lượng cao.

Thực hiện chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý GD nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; tạo môi trường tin cậy thúc đẩy chuyển đổi số, tạo ra một nền tảng để học tập suốt đời. Đảm bảo các điều kiện hạ tầng số, đường truyền băng thông, triển khai nền tảng thích hợp, đảm bảo an toàn thông tin để vận hành hệ thống quản lý, giảng dạy. Xây dựng và đưa vào sử dụng thống nhất toàn ngành các cơ sở dữ liệu về GD, đồng bộ với các cơ sở dữ liệu của tỉnh, quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác góp phần hình thành cơ sở dữ liệu mở quốc gia.

3. Kết luận

Trong các nhóm nhiệm vụ, giải pháp nêu trên, ngành GD tỉnh Vĩnh Phúc xác định công tác phát triển đội ngũ là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt bởi đội ngũ nhà giáo là yếu tố then chốt quyết định chất lượng GD. Bên cạnh đó, hai giải pháp mang tính đột phá trong giai đoạn tới đó là: 1/ Phát triển trường chuyên, hệ thống trường trọng điểm, trường chất lượng cao; 2/ Thúc đẩy dạy học ngoại ngữ, tin học, chuyển đổi số trong hệ thống GD. Với việc đánh giá thực trạng một cách khoa học cùng với việc xác định rõ từng nhiệm vụ, giải pháp, GD Vĩnh Phúc có đầy đủ cơ sở để phát triển vững chắc và đạt được các mục tiêu đã đặt ra trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc, (2020), *Niên giám thống kê*.
- [2] Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, (2020), *Đề án phát triển phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025 theo hướng bền vững nâng cao chất lượng tăng trưởng*.
- [3] Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc, (3/2020), *Báo cáo Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục đào tạo giai đoạn 2020 - 2025*.
- [4] Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, (2020), *Đề án Phát triển giáo dục đào tạo tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025*.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Báo cáo đánh giá tác động về lộ trình thực hiện nâng chuẩn giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở*.

THE CURENT STATUS OF EDUCATION IN VINH PHUC PROVINCE, SOLUTIONS FOR THE PERIOD OF 2021- 2025 AND THE FOLLOWING YEARS

Nguyen Van Huyen

Vinh Phuc's Department of Education and Training
539 Me Linh, Khai Quang, Vinh Yen city,
Vinh Phuc province, Vietnam
Email: huyenvinhphuc@gmail.com

ABSTRACT: *The article presents the current status of education in Vinh Phuc province, including preschool, general, and continuing education with those aspects of access to education, educational quality, and educational assurance conditions. In recent years, the education system in Vinh Phuc has achieved remarkable achievements. However, it is still facing such difficulties as lack of staff and facilities and a certain number of teachers not meeting the qualification standards regulated in the Education Law 2019, etc. The education sector has identified eight groups of tasks and solutions to solve current problems, contributing to further develop the education system of Vinh Phuc in the coming time.*

KEYWORDS: Vinh Phuc, education, period 2021 - 2025.